

Số: **10/2020/QĐST- HNGĐ**

KĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 01/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1987.

Nguyên quán, nơi cư trú: Thôn DP, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Chị Đào Thị P, sinh năm 1995.

Nguyên quán, nơi cư trú: Thôn Đào Xá, xã Vĩnh Xá, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn DP, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Phạm Thị Bảo Ngọc; sinh ngày 26/12/2015 (cháu Ngọc đang ở cùng với bố tại thôn DP, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên).

- Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Đào Thị P.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Về quan hệ vợ chồng: Anh Phạm Văn T chị Đào Thị P đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung: Anh T và chị P thỏa thuận giao con chung của vợ chồng là cháu Phạm Thị Bảo Ngọc; sinh ngày 26/12/2015 cho anh T được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị P không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T, nhưng được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, anh T không được ngăn cản.

3/ Về tài sản chung, công sức, công nợ và ruộng canh tác: Anh T và chị P đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Anh Phạm Văn T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001719 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KĐ. Hoàn trả anh Phạm Văn T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THAHS);
- VKSND, Chi cục THADS huyện;
- UBND xã CN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Quốc Huy

